

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH G**

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 177/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận về nuôi con chung”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Phùng Xuân T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 128/19/7 Trần Phú, khu phố 02, phường Phú Hà, thành phố Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

2. Chị Lê Thị Thúy K, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Đường Đinh Tiên Hoàng, thị trấn C, huyện C, tỉnh G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phùng Xuân T và chị Lê Thị Thúy K qua tìm hiểu đã tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sa T, huyện Sa T, tỉnh Kon T ngày 24/04/2009. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến cãi vã, cả hai bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Cuộc sống của vợ chồng không còn hạnh phúc, không ai quan tâm đến ai. Xác định tình cảm không còn mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Tại buổi hoà giải, anh Phùng Xuân T và chị Lê Thị Thúy K không đồng ý đoàn tụ gia đình, cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Anh Phùng Xuân T và chị Lê Thị Thúy K có 01 (một) con chung là cháu Phùng Lê Kiều T, sinh ngày 19/7/2009. Ly hôn, anh Phùng Xuân T và chị Lê Thị Thúy K thống nhất thỏa thuận và theo nguyện vọng của các con, giao con chung của họ là cháu Phùng Lê Kiều T, sinh ngày 19/7/2009 cho chị Lê Thị Thúy K trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng và giáo dục

cho đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phùng Xuân T và chị Lê Thị Thúy K thống nhất thỏa thuận, anh Phùng Xuân T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Phùng Lê Kiều T là 1.500.000 đồng / tháng cho đến khi cháu Trinh trưởng thành và tự lập được

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh Phùng Xuân T và chị Lê Thị Thúy K tự thỏa thuận với nhau. Không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ này.

[5]. Về lệ phí: Anh Phùng Xuân T và chị Lê Thị Thúy K mỗi người chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí Tòa án nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh Phùng Xuân T và chị Lê Thị Thúy K đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005080 ngày 09/11/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C, tỉnh G.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phùng Xuân T và chị Lê Thị Thúy K thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Phùng Xuân T và chị Lê Thị Thúy K có 01 con chung là cháu Phùng Lê Kiều T, sinh ngày 19/7/2009. Ly hôn, theo nguyện vọng của các con và sự thỏa thuận giữa anh Thành và chị Kiều:

Giao con chung là Phùng Lê Kiều T, sinh ngày 19/7/2009 cho chị Lê Thị Thúy K trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phùng Xuân T và chị Lê Thị Thúy K thống nhất thỏa thuận, anh Phùng Xuân T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Phùng Lê Kiều T là 1.500.000 đồng / tháng. Việc cấp dưỡng được anh Phùng Xuân T thực hiện từ ngày 17 tháng 11 năm 2021 cho đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền

phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh Phùng Xuân T và chị Lê Thị Thúy K tự thỏa thuận với nhau. Không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này

2. Về lệ phí: Anh Phùng Xuân T và chị Lê Thị Thúy K mỗi người chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí Tòa án nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh Phùng Xuân T và chị Lê Thị Thúy K đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005080 ngày 09/11/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C, tỉnh G.

3. Quyết định có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Sa T, huyện Sa T, tỉnh Kon T (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

THẨM PHÁN

Nay Lu Vinh